

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST

Ngày: 09-7-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ và ông Nguyễn Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Ngân hàng);

Địa chỉ: số M, đường L, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Trung H – Nhân viên Phòng Phát triển kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Gia Lai (Quyết định số 99/QĐ-DAB ngày 02-11-2017 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Gia Lai); địa chỉ: số M, đường Đ, phường S, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. Bị đơn: ông Phạm Văn T và bà Rơ Mah H; cùng địa chỉ: làng K, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02-11-2017, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ là ông Trần Trung H trình bày:

Ông Phạm Văn T và bà Rơ Mah H có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thông qua chi nhánh Gia Lai như sau: theo Hợp đồng vay vốn số K1759/1 ngày 30-5-2014, ông T, bà H vay Ngân hàng số tiền gốc 120.000.000 đồng, lãi suất 14%/năm, lãi suất quá hạn 21%/năm (bằng 150% lãi

suất trong hạn), thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Để đảm bảo cho khoản vay của mình tại Ngân hàng, ông T, bà H đã ký Hợp đồng thế chấp số NC4790/HĐTC ngày 30-5-2014, thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 42 tại làng K, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 244333 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19-12-2007 mang tên ông Phạm Văn T, bà Rơ Mah H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà H chỉ trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 8.700.000 đồng, ngoài ra ông T, bà H không trả thêm cho Ngân hàng khoản tiền gốc và lãi nào khác. Ngày 31-5-2015, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay của ông T, bà H.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T, bà H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 120.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 8.333.333 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 31-5-2015 đến ngày 09-7-2018 là 79.520.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đề nghị tính lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, tức là bằng 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm x 150% = 13,5%/năm.

Trường hợp ông T, bà H không trả được nợ hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tại Bản tự khai ngày 21-6-2018, bị đơn bà Rơ Mah H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để bà và ông T thu xếp trả nợ cho Ngân hàng trong thời hạn 06 tháng.

Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476, 715, 716, 717, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 30-5-2015 và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 31-5-2015 đến ngày xét xử vụ án là ngày 09-7-2018; trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ; căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đơn khởi kiện ngày 02-11-2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đảm bảo nội dung, hình thức; người bị kiện là ông Phạm Văn T, bà Rơ Mah H vay vốn với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh và cư trú tại làng K, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Phạm Văn T, bà Rơ Mah H đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H là đúng quy định.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa ông T, bà H và Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên phát sinh hiệu lực. Ông T, bà H đã vi phạm hợp đồng, không trả lãi đúng hạn, không trả nợ gốc khi đến hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà H trả nợ là đúng quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Việc thay đổi yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn tại phiên tòa không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận. Số tiền bị đơn phải trả cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn tính từ ngày 30-5-2014 đến ngày 30-5-2015 là $120.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm} = 16.200.000 \text{ đồng}$; Ngân hàng thừa nhận ông T, bà H đã trả được 8.700.000 đồng tiền lãi trong hạn nên ông T, bà H còn phải trả số tiền lãi trong hạn là: $16.200.000 \text{ đồng} - 8.700.000 \text{ đồng} = 7.500.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn (ngày 31-5-2015) đến ngày xét xử (ngày 09-7-2018) là 03 năm 01 tháng 08 ngày; số tiền lãi quá hạn ông T, bà H phải trả là: $120.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\%/\text{năm} \times 150\% \times 03 \text{ năm} 01 \text{ tháng} 08 \text{ ngày} = 75.429.863 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền ông T, bà H phải trả cho Ngân hàng là: $120.000.000 \text{ đồng} + 7.500.000 \text{ đồng} + 75.429.863 \text{ đồng} = 202.929.863 \text{ đồng}$; gồm 120.000.000 đồng tiền gốc, 7.500.000 đồng tiền lãi trong hạn và 75.429.863 đồng tiền lãi quá hạn.

Bị đơn đề nghị nguyên đơn cho trả dần số nợ trên trong thời hạn 06 tháng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

[4] Hợp đồng thế chấp tài sản số NC4790/HĐTC ngày 30-5-2014 giữa nguyên đơn và bị đơn phù hợp với quy định tại các Điều 343, 715 của Bộ luật Dân sự năm 2005; tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T, bà H và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của Luật Đất đai; thủ tục thế chấp được thực hiện đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Do đó nếu ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản thế chấp.

[5] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là $202.929.863 \text{ đồng} \times 5\% = 10.146.493 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 343, 355, 471, 474, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

Tuyên xử:

Buộc ông Phạm Văn T và bà Rơ Mah H phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Gia Lai) số tiền 202.929.863 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu chín trăm hai mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng); gồm 120.000.000 đồng tiền gốc, 7.500.000 đồng tiền lãi trong hạn và 75.429.863 đồng tiền lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Phạm Văn T, bà Rơ Mah H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số NC4790/HĐTC ngày 30-5-2014 để thu hồi nợ.

3. Ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.146.493 đồng (Mười triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Gia Lai) số tiền tạm ứng án phí là 4.760.583 đồng (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) đã nộp theo Biên lai số 0000460 ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- TAND tỉnh Gia Lai (01b);
- VKSND tỉnh Gia Lai (01b);
- VKSND huyện Ia Grai (01b);
- CCTHADS huyện Ia Grai (01b);
- Lưu: HSVA, VT-LT (02b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thành Nhơn

MẬT

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hồi 15 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 7 năm 2018,

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàng.

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 72/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đông Á;

Địa chỉ trụ sở chính: Số M, đường L, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung H – Nhân viên Phòng Phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Đông Á, chi nhánh Gia Lai (Quyết định số 99/QĐ-DAB ngày 02-11-2017 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á, chi nhánh Gia Lai); địa chỉ: 01 Phạm Văn Đồng, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T và bà Rơ Mah H; cùng địa chỉ: làng K, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về quan hệ pháp luật:

* *Ý kiến của Hội thẩm 1:* Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* *Ý kiến của Hội thẩm 2 và Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 đồng ý.

2. Về điều luật áp dụng:

* *Ý kiến của Hội thẩm 1:*

Đề nghị áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 343, 355, 471, 474, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Ý kiến của Hội thẩm 2 và Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:** Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 đồng ý.

3. Quyết định cụ thể:

3.1. Về số tiền nợ, nghĩa vụ trả nợ:

*** Ý kiến của Hội thẩm 1:** Buộc Ông Phạm Văn T và bà Rơ Mah H liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền 206.392.602 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm lẻ hai đồng), trong đó gồm 120.000.000 đồng nợ gốc, 8.100.000 đồng nợ lãi trong hạn và 78.292.602 đồng nợ lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

*** Ý kiến của Hội thẩm 2 và Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:** Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 đồng ý.

3.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

*** Ý kiến của Hội thẩm 1:** Trường hợp ông Phạm Văn T, bà Rơ Mah H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đông Á có quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số NC4790/HĐTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 để thu hồi nợ.

*** Ý kiến của Hội thẩm 2 và Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:** Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 đồng ý.

3.3. Về án phí:

*** Ý kiến của Hội thẩm 1:** Ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.319.630 đồng (Mười triệu ba trăm mười chín nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đông Á (thông qua Ngân hàng TMCP Đông Á, chi nhánh Gia Lai) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000460 ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

** Ý kiến của Hội thẩm 2 và Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 đồng ý.

3.4. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

** Ý kiến của Hội thẩm 1:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

** Ý kiến của Hội thẩm 2 và Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 đồng ý.

3.5. Về việc thi hành án:

** Ý kiến của Hội thẩm 1:* Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

** Ý kiến của Hội thẩm 2 và Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 đồng ý.

Nghị án kết thúc hồi 16 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 7 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA